

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khang Minh Group trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 là: 238.139.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đặng Việt Lê	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông	Lê Hoài An	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Phạm Sĩ Giang	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Trần Hưng Dũng	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Nguyễn Việt Hà	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Nguyễn Văn Tiêm	Thành viên
Ông	Trần Hải Long	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban Kiểm soát (Bỏ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Cao Thị Thương	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Nguyễn Minh Đức	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Nguyễn Thị Thu	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Đặng Thị Bắc	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/6/2021)
Ông	Lê Hoài An	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/6/2021)
Ông	Hoàng Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 08/6/2021)
Ông	Phạm Sĩ Giang	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/6/2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh 7.1, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Đặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Số: 71/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khang Minh Group được lập ngày 22/02/2022 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 14/2022/UQ-CPA VIETNAM của
Phó Chủ tịch HĐQTV ngày 03/01/2022

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Trung Khánh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		167.193.661.489	153.617.232.105
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.955.832.388	8.905.901.630
1. Tiền	111		14.955.832.388	8.905.901.630
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu	130		143.176.084.401	124.819.692.528
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	87.184.229.322	122.684.213.424
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	18.711.421.699	1.682.183.776
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	19.184.100.864	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	18.096.332.516	2.433.269.711
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	-	(1.979.974.383)
III. Hàng tồn kho	140	5.7	842.526.000	3.969.921.018
1. Hàng tồn kho	141		842.526.000	3.969.921.018
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.219.218.700	15.921.716.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	23.563.640	7.462.873
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	8.195.655.060	15.914.254.056
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		285.679.633.450	125.401.114.032
I. Tài sản cố định	220		18.712.031.439	19.387.364.101
I. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	18.712.031.439	19.387.364.101
Nguyên giá	222		50.571.105.245	68.243.331.797
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.859.073.806)	(48.855.967.696)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		579.863.861	125.830.300
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	579.863.861	125.830.300
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	254.844.183.172	101.394.183.172
1. Đầu tư vào công ty con	251		153.844.183.172	101.394.183.172
2. Đầu tư dài hạn khác	253		101.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		11.543.554.978	4.493.736.459
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.543.554.978	4.493.736.459
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		452.873.294.939	279.018.346.137

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		183.667.251.126	105.995.091.180
I. Nợ ngắn hạn	310		83.667.251.126	105.492.447.419
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	29.884.589.878	45.042.674.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		482.370.862	1.033.515.882
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	9.166.606.080	5.637.724.979
4. Phải trả người lao động	314		287.540.124	1.113.740.501
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.419.484.069	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.437.160.113	2.144.286.055
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	40.989.500.000	50.520.505.306
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000.000	502.643.761
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	100.000.000.000	502.643.761
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		269.206.043.813	173.023.254.957
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	269.206.043.813	173.023.254.957
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		238.139.000.000	148.837.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.556.059.091	8.706.059.091
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		22.510.984.722	15.480.105.866
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		596.735.866	9.552.462.492
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.914.248.856	5.927.643.374
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		452.873.294.939	279.018.346.137

Người lập



Trần Thị Miên

Kế toán trưởng



Trần Thị Miên

Hà Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	137.414.491.343	130.175.496.420
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	335.244.000	25.663.650
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	137.079.247.343	130.149.832.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	113.363.199.428	108.776.486.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.716.047.915	21.373.346.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.551.512.301	2.075.659.353
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	6.4	6.679.597.719 5.841.424.277	5.235.541.483 4.583.733.538
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.840.504.973	4.054.647.871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.291.188.428	6.122.254.810
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22)-(25+26)}	30		24.456.269.096	8.036.561.523
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.616.400.039	657.181.818
12. Chi phí khác	32	6.7	508.246.600	2.040.531.504
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.108.153.439	(1.383.349.686)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		25.564.422.535	6.653.211.837
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	3.650.173.679	725.568.463
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.914.248.856	5.927.643.374

Người lập



Trần Thị Miên

Kế toán trưởng



Trần Thị Miên

Hà Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		25.564.422.535	6.653.211.837
2 Điều chỉnh cho các khoản			(2.003.302.730)	11.308.699.553
- Khấu hao TSCĐ	02		6.097.656.966	7.196.135.667
- Các khoản dự phòng	03		(1.979.974.383)	1.604.321.528
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.962.409.590)	(2.075.491.180)
- Chi phí lãi vay	06		5.841.424.277	4.583.733.538
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi	08		23.561.119.805	17.961.911.390
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		43.807.299.144	(33.019.472.345)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		3.127.395.018	11.164.760.075
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay) phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(17.275.850.312)	8.332.624.448
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.065.919.286)	1.231.430.304
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.421.940.208)	(4.583.733.538)
- Thuế thu nhập đã nộp	15		(524.584.391)	(1.806.218.272)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		205.502.750	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(658.246.600)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.754.775.920	(718.697.938)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(23.670.635.231)	(53.683.636)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.215.000.000	4.846.407.650
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.184.100.864)	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(168.450.000.000)	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.000.000.000	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		(199.089.736.095)	4.792.724.014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		74.418.540.000	-
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		182.362.771.387	93.683.340.625
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(92.396.420.454)	(97.537.840.125)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		164.384.890.933	(3.854.499.500)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50		6.049.930.758	219.526.576
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.905.901.630	8.686.375.054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	14.955.832.388	8.905.901.630

Người lập

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Trần Thị Miên

Hà Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 là: 238.139.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 5 người (tại ngày 01/01/2021 là 78 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất gạch không nung các loại; gạch ốp lát cao cấp

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<i>Công ty con</i>					
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	Thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	99,64%	99,64%	99,64%
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	75,74%	75,74%	75,74%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí khác.

Chi phí trả trước liên quan đến kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí trả trước dài hạn cho nhiều kỳ kế toán được tính và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí. Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ theo thời gian thuê đất; chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2021, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19 và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Quốc Hội.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm gạch không nung và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	83.583.275	8.740.469.694
Tiền gửi ngân hàng	14.872.249.113	165.431.936
Tổng	14.955.832.388	8.905.901.630

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Long Hải	-	216.841.941
Công ty Cổ phần Hà Đô 45	625.618.759	1.125.618.759
Công ty TNHH Tư vấn XD và TM Ngọc Khánh	3.081.538.792	761.994.738
Công ty TNHH Thương mại Thành Lâm	9.516.998.702	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đức Nam	11.666.768.080	-
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Thương mại Hùng Trang	3.819.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư bê tông Anh Đức	3.746.192.800	-
Công ty TNHH MTV Tuấn Dũng Tây Bắc	4.984.717.600	-
Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Delta	-	1.073.745.053
Công ty TNHH Vật tư Và Xây dựng Hoàng Thành	9.192.945.945	19.006.245.945
Công ty CP Xây dựng Đất Việt Xanh	-	617.404.500
Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	-	6.418.247.119
Công ty CP Đoàn Minh Công	4.016.700.000	-
Công ty Cổ phần VLXD Bảo Minh Khang (Công ty CP ĐT VLXD Khang Minh)	10.972.619.604	19.397.599.900
Công ty TNHH TM và VLXD Phát Đạt	-	18.197.104.642
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Hưng Thịnh (Công ty TNHH Thương mại Hải Vương)	5.651.898.140	19.545.031.173
Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Sinh Hùng 68	3.037.132.000	3.047.132.000
Đối tượng khác	16.872.098.900	33.277.247.654
Tổng	87.184.229.322	122.684.213.424
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	1.164.130.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần vận tải Vijasun Hà Nam	-	610.547.675
Thuê văn phòng SH19 - Đặng Ngọc Hường	1.584.332.210	-
Công ty CP TM và XNK Hồng Việt	7.440.297.428	-
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Tân Thịnh	-	473.612.501
Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú Nguyễn	9.573.978.597	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh (Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh)	-	28.171.559
Thu đối tượng khác	112.813.464	569.852.041
Tổng	18.711.421.699	1.682.183.776
<i>Trong đó</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	-	28.171.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Nhôm Khang Minh {1}	10.184.100.864	-	-	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh {2}	9.000.000.000	-	-	-
Tổng	19.184.100.864	-	-	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	<i>19.184.100.864</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

- {1} Khoản vay theo HĐ 0411/2021/HĐCV ngày 04/11/2021; thời hạn vay: từ 04/11/2021 đến 03/11/2026; lãi suất: 3%/năm.
 {2} Khoản vay theo HĐ 01/2021/HĐCV ngày 15/12/2021; thời hạn vay: từ 28/12/2021 đến 27/12/2022; lãi suất: 8%/năm.

5.5 Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Bà Nguyễn Thu Trang	1.423.300.000	-	189.040.349	-
Ông Lê Ngọc Hà	14.500.000.000	-	-	-
Bà Trần Thị Miên	48.318.182	-	48.318.182	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	49.223.154	-	-	-
Phải thu lợi nhuận của Công ty con	2.075.491.180	-	2.075.491.180	-
Đối tượng khác	-	-	120.420.000	-
Tổng	18.096.332.516	-	2.433.269.711	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	<i>3.596.332.516</i>	<i>-</i>	<i>2.312.849.711</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng CTC	-	-	71.412.000	71.412.000
Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Cảnh Hưng Thịnh	-	-	334.624.640	167.312.320
Công ty Cổ phần thi công cơ giới và xây dựng Vinacomex	-	-	561.709.375	280.854.688
Công ty Cổ phần TSQ Techco	-	-	1.734.293.272	867.146.636
Công ty Cổ phần Constrexim Bắc Hà	-	-	748.189.344	272.761.349
Khách hàng khác	-	-	615.692.488	320.487.390
Tổng	-	-	4.065.921.119	1.979.974.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.235.172.464	-
Thành phẩm	-	-	1.530.548.554	-
Hàng hóa	842.526.000	-	1.204.200.000	-
Tổng	842.526.000	-	3.969.921.018	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn	23.563.640	7.462.873
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	1.063.640	7.462.873
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	22.500.000	-
b. Dài hạn	11.543.554.978	4.493.736.459
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	1.003.868.232	1.242.188.736
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	447.179.882	708.217.749
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (*)	9.798.257.754	2.543.329.974
Chi phí trả trước dài hạn khác	294.249.110	-
Tổng	11.567.118.618	4.501.199.332

(*) Trong năm, Công ty kết chuyển chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng Nhà máy gạch Khang Minh (số chênh lệch giữa số đã nộp cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cao hơn số tiền theo Quyết định bù trừ của Cục thuế tỉnh Hà Nam) đang được hạch toán là khoản Thuế phải thu của Nhà Nước sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian thuê đất còn lại.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công trình trạm nghiền đá	16.678.300	16.678.300
Xây dựng cơ bản dở dang	563.185.561	109.152.000
- Nhà kho	563.185.561	109.152.000
Tổng	579.863.861	125.830.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	16.829.374.924	40.916.116.836	8.059.122.719	1.337.136.364	1.101.580.954	68.243.331.797
Tăng trong năm	12.224.509.348	-	810.000.000	136.599.486	35.000.000	13.206.108.834
- Mua trong năm	12.224.509.348	-	-	136.599.486	-	12.361.108.834
- Phân loại lại	-	-	810.000.000	-	35.000.000	845.000.000
Giảm trong năm	35.000.000	24.302.426.298	5.269.999.997	810.000.000	460.909.091	30.878.335.386
- Thanh lý, nhượng bán	-	24.302.426.298	5.269.999.997	-	460.909.091	30.033.335.386
- Phân loại lại	35.000.000	-	-	810.000.000	-	845.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	29.018.884.272	16.613.690.538	3.599.122.722	663.735.850	675.671.863	50.571.105.245
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	13.358.058.405	28.656.051.129	5.478.323.833	443.939.402	919.594.927	48.855.967.696
Tăng trong năm	1.428.968.599	3.348.368.181	1.490.163.071	89.811.429	82.067.538	6.439.378.818
- Khấu hao trong năm	1.428.968.599	3.348.368.181	1.161.519.173	89.811.429	68.989.584	6.097.656.966
- Phân loại lại	-	-	328.643.898	-	13.077.954	341.721.852
Giảm trong năm	13.077.954	18.020.611.937	4.659.014.669	320.625.000	422.943.148	23.436.272.708
- Phân loại lại	13.077.954	8.018.898	-	320.625.000	-	341.721.852
- Thanh lý, nhượng bán	-	18.012.593.039	4.659.014.669	-	422.943.148	23.094.550.856
Số dư tại ngày 31/12/2021	14.773.949.050	13.983.807.373	2.309.472.235	213.125.831	578.719.317	31.859.073.806
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	3.471.316.519	12.260.065.707	2.580.798.886	893.196.962	181.986.027	19.387.364.101
Tại ngày 31/12/2021	14.244.935.222	2.629.883.165	1.289.650.487	450.610.019	96.952.546	18.712.031.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tăng giảm tài sản cố định (tiếp theo)

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 5.964.931.941 VND (tại ngày 01/01/2021 là 9.934.890.196 VND).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 19.277.482.772 VND (tại ngày 01/01/2021 là 9.631.330.312 VND).

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh {1}	130.894.183.172	-	-	101.394.183.172	-	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh {2}	22.950.000.000	-	-	-	-	-
Tổng	153.844.183.172	-	-	101.394.183.172	-	-

(1) Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh (tiền thân là Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh) là Công ty Cổ phần do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 99,64% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2021 ngày 20/5/2021, trong năm 2021, Công ty CP Khang Minh Group đã bổ sung thêm 29.500.000.000 đồng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh.

(2) Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh là Công ty Cổ phần do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 75,74% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2021 ngày 20/5/2021, trong năm 2021, Công ty CP Khang Minh Group đã góp 29.950.000.000 đồng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty nhận đầu tư do các Công ty này không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính và các do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

b. Đầu tư vào dài hạn khác

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Công ty CP APG Energy Nghệ An {1}	67.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Cụm công nghiệp APG {2}	12.500.000.000	-	-	-	-	-
Công ty CP APG ECO Hòa Bình {3}	21.500.000.000	-	-	-	-	-
Tổng cộng	101.000.000.000	-	-	-	-	-

{1} Công ty CP Khang Minh Group quyết định góp vốn vào Công ty CP APG Energy Nghệ An theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT/GKM ngày 20/12/2021 với số vốn góp là 67.000.000.000 đồng tương ứng với 14,89% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

{2} Công ty CP Khang Minh Group quyết định góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Cụm công nghiệp APG theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT/GKM ngày 21/9/2021 với số vốn góp là 12.500.000.000 đồng tương ứng với 8,33% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

{3} Công ty CP Khang Minh Group quyết định góp vốn vào Công ty CP APG ECO Hòa Bình theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐQT/GKM ngày 20/7/2021 với số vốn góp là 21.500.000.000 đồng tương ứng với 14,33% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty nhận đầu tư do các Công ty này không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Hoàng Thành	-	-	2.115.873.195	2.115.873.195
Công ty TNHH XD và phát triển TM Nguyễn Minh	70.000.000	70.000.000	2.860.542.444	2.860.542.444
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	1.280.000.000	1.280.000.000	2.786.435.600	2.786.435.600
Công ty CP đầu tư TM và DV Thăng Long	2.042.760.000	2.042.760.000	-	-
Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	9.034.075.805	9.034.075.805	8.388.501.060	8.388.501.060
Công ty Cổ phần Tài nguyên Đông Bắc	8.579.787.062	8.579.787.062	1.816.334.978	1.816.334.978
Công ty TNHH vận tải Trường Anh	136.539.920	136.539.920	7.299.135.640	7.299.135.640
Công ty TNHH Phương Lâm	5.999.507.719	5.999.507.719	9.848.781.787	9.848.781.787
Các đối tượng khác	2.741.919.372	2.741.919.372	9.927.069.992	9.927.069.992
Tổng	29.884.589.878	29.884.589.878	45.042.674.696	45.042.674.696

5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021		Phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	4.892.657.518	2.822.018.658	2.404.273.277	-	5.310.402.899
Thuế TNDN	-	524.618.026	3.650.173.679	524.584.391	-	3.650.207.314
Thuế TNCN	-	220.449.435	46.505.825	60.959.393	-	205.995.867
Tiền thuê đất (*)	15.914.254.056	-	7.725.917.796	7.318.800	8.195.655.060	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng	15.914.254.056	5.637.724.979	14.247.615.958	3.000.135.861	8.195.655.060	9.166.606.080

(*) Tiền thuê đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty CP Khang Minh Group đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	857.599.864	838.257.552
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	523.470.076	1.284.755.046
Các khoản phải trả phải nộp khác	56.090.173	21.273.457
Tổng	1.437.160.113	2.144.286.055

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	40.989.500.000	40.989.500.000	81.712.771.387	91.243.776.693	50.520.505.306	50.520.505.306
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	40.989.500.000	40.989.500.000	76.712.771.387	83.243.776.693	47.520.505.306	47.520.505.306
Ngân hàng hợp tác	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	502.643.761	502.643.761	502.643.761
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN	-	-	-	502.643.761	502.643.761	502.643.761
c. Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
GKMH2124001 (2)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Tổng	140.989.500.000	140.989.500.000	81.712.771.387	91.746.420.454	51.023.149.067	51.023.149.067

Trong đó

Trái phiếu phát hành bên liên quan nắm giữ
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
	100.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 133/2021/HĐTD ngày 01/7/2021

- Hạn mức vay ngắn hạn: 45.645.000.000 đồng
- Lãi suất vay không cố định, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Nhà số 60, ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội;
 - + Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 6, tờ bản đồ 25, cụm CN mở rộng Tây Nam TP Phủ Lý, P. Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
 - + Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất ký giữa ngân hàng Hàng hải Việt Nam và Công ty
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-597.97;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-791.30;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger màu bạc biển số 51D-622.61.

(2) Trái phiếu phát hành

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu thường						
- Phát hành theo mệnh giá						
GKMH2124001	100.000.000.000	12,60%	3 năm	-	-	-
Tổng trái phiếu thường	100.000.000.000			-		

Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo; mệnh giá: 10.000.000 đồng/trái phiếu.

Tổng khối lượng phát hành 10.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 đồng.

Lãi suất cố định 12,6%/năm. Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng, ngày phát hành: 20/9/2021, ngày đáo hạn: 20/9/2024.

Kỳ hạn thanh toán lãi: Trả lãi định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định thông qua đại lý phát hành.

Tiền gốc thanh toán theo mệnh giá một lần vào ngày đáo hạn; Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2020	148.837.090.000	8.706.059.091	9.552.462.492	167.095.611.583
- Lãi năm trước	-	-	5.927.643.374	5.927.643.374
Số dư ngày 31/12/2020	148.837.090.000	8.706.059.091	15.480.105.866	173.023.254.957
Số dư ngày 01/01/2021	148.837.090.000	8.706.059.091	15.480.105.866	173.023.254.957
- Tăng vốn trong năm nay (*)	89.301.910.000	-	-	89.301.910.000
- Lãi năm nay	-	-	21.914.248.856	21.914.248.856
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)	-	-	(14.883.370.000)	(14.883.370.000)
Số dư ngày 31/12/2021	238.139.000.000	8.556.059.091	22.510.984.722	269.206.043.813

(*) Trong năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng 89.301.910.000 đồng do Công ty thực hiện chào bán thêm 7.441.854 cổ phiếu ra công chúng với số tiền thu được là 74.418.540.000 đồng và thực hiện phát hành 1.488.337 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 10% tương đương với số cổ tức đã trả là 14.883.370.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2021 ngày 20/5/2021.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ông Đặng Việt Lê	25.482.400.000	33.526.500.000
Công ty CP Chứng khoán APG	42.967.600.000	-
Các cổ đông khác	169.689.000.000	115.310.590.000
Tổng	238.139.000.000	148.837.090.000

c) Các giao dịch về vốn

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	148.837.090.000	148.837.090.000
Vốn góp tăng trong năm	89.301.910.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	238.139.000.000	148.837.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.883.370.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d) *Cổ phiếu*

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.813.900	14.883.709
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.813.900	14.883.709
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.813.900	14.883.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e) *Báo cáo tình hình sử dụng vốn*

Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu để đầu tư vào Công ty con, trả nợ vay ngân hàng, đầu tư nhà xưởng cho thuê và bổ sung vốn lưu động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCD/KM-2021 ngày 20/5/2021, Nghị quyết HĐQT số 08/2021/KM/NQ-HĐQT ngày 14/6/2021 và Nghị quyết HĐQT số 15/2021/KM/NQ-HĐQT ngày 22/10/2021.

Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trên chi tiết như sau:

TT	Đối tượng	Theo Nghị quyết ĐHĐCD và các Nghị quyết của HĐQT nêu trên VND	Theo thực tế VND
1	Góp vốn vào Công ty CP Nhôm Khang Minh	15.300.000.000	15.300.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	29.118.540.000	29.118.540.000
3	Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
4	Đầu tư mới và cải tạo nhà xưởng sản xuất gạch cho Công ty CP Nhôm Khang Minh thuê dài hạn và phục vụ sản xuất kinh doanh	13.500.000.000	13.500.000.000
5	Bổ sung vốn lưu động, trả nợ nhà cung cấp của Công ty CP Khang Minh Group	6.500.000.000	6.500.000.000
	Tổng	74.418.540.000	74.418.540.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	99.469.150.463	32.065.587.490
Doanh thu bán thành phẩm	37.945.340.880	98.109.908.930
Tổng	137.414.491.343	130.175.496.420
Các khoản giảm trừ doanh thu	335.244.000	25.663.650
- Chiết khấu thương mại	-	1.650.000
- Hàng bán bị trả lại	335.244.000	24.013.650
Doanh thu thuần	137.079.247.343	130.149.832.770

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	84.420.776.747	28.172.041.523
Giá vốn bán thành phẩm	28.942.422.681	80.604.444.913
Tổng	113.363.199.428	108.776.486.436

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.512.301	168.173
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	10.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ Công ty con	-	2.075.491.180
Tổng	10.551.512.301	2.075.659.353

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	5.841.424.277	4.583.733.538
Lãi chậm trả nhà cung cấp	838.173.442	651.807.945
Tổng	6.679.597.719	5.235.541.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí bán hàng	1.840.504.973	4.054.647.871
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.644.548	530.841.176
Chi phí nhân công	491.915.988	2.348.804.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.368.953	112.692.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	730.231.747	996.313.675
Chi phí khác bằng tiền khác	467.343.737	65.996.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.271.162.811	6.122.254.810
Chi phí nhân viên quản lý	1.717.313.469	2.502.271.894
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	43.481.341	46.385.667
Chi phí khấu hao TSCĐ	324.223.068	296.854.524
Thuế, phí, lệ phí và các khoản dự phòng	116.065.704	1.614.640.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	841.036.943	1.496.644.016
Chi phí bằng tiền khác	229.042.286	165.458.381
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.979.974.383)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.979.974.383)	-
Tổng	3.131.693.401	12.244.509.620

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý Tài sản	1.410.897.289	657.181.818
Thu nhập khác	205.502.750	-
Tổng	1.616.400.039	657.181.818

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	327.512.070
Chi phí nhượng bán căn hộ D'capital TDH	-	1.108.108.214
Tiền phạt, chậm nộp thuế, BHXH	508.246.600	492.587.880
Chi phí khác	-	112.323.340
Tổng	508.246.600	2.040.531.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	4.146.566.854	12.089.293.046
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.507.602.071	35.904.422.372
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.097.656.966	8.452.803.687
Hoàn nhập dự phòng	(1.979.974.383)	-
Thuế, phí, lệ phí	221.812.608	221.812.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.194.689.997	4.051.961.692
Chi phí khác bằng tiền	897.893.260	2.173.885.258
Tổng	29.086.247.373	62.894.178.663

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.564.422.535	6.653.211.837
Các khoản điều chỉnh	508.246.600	(1.470.579.960)
- Phạt hành chính, chậm nộp thuế, bảo hiểm	508.246.600	492.587.880
- Chi không được trừ khác	-	112.323.340
- Thu nhập không chịu thuế	-	(2.075.491.180)
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	26.072.669.135	5.182.631.877
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.214.533.827	1.036.526.375
Thuế TNDN được giảm theo quy định của NĐ 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	1.564.360.148	310.957.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.650.173.679	725.568.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 01/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 08/01/2022 của Hội đồng Quản trị thông qua phương án trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 về việc đầu tư vào Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bắc Bãi Thơm- Phú Quốc với quy mô là 48,9 ha và tổng mức đầu tư toàn Dự án là 16.250 tỷ đồng. Đồng thời, Nghị quyết này giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị xây dựng phương án phát hành 83.348.650 cổ phiếu tương đương vốn điều lệ dự kiến tăng thêm là 833.486.500.000 đồng. Nếu phương án này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, vốn điều lệ của Công ty có thể tăng từ 238.139.000.000 đồng lên 1.071.625.500.000; thời gian dự kiến tăng vốn là quý II năm 2022.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2021.

7.2 Thông tin các bên liên quan

a) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	453.320.541	421.156.035
Lê Hoài An	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)	134.701.963	369.832.753
Phạm Sĩ Giang	Thành viên HĐQT	120.327.624	242.677.200
Tổng		708.350.128	1.033.665.988

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Thị Thu	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)	54.563.880	116.693.874
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 20/5/2021)	168.709.166	125.950.800
Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS	51.998.627	-
Tổng		275.271.673	242.644.674

Tiền lương của Ban Điều hành và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2021)	206.448.520	-
Hoàng Hạnh Phúc	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 24/3/2021)	77.885.400	283.810.804
Trần Thị Miên	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 24/3/2021)	208.668.817	-
Tổng		493.002.737	283.810.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Giao dịch với các bên liên quan

Các Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	-	1.204.200.000
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	493.000.000	-
Bán hàng				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng	211.200.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Doanh thu thanh lý tài sản	500.000.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng	87.327.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Doanh thu thanh lý tài sản	558.300.000	-
Thu tiền				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền bán hàng	211.200.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Thu tiền bán hàng	87.327.000	-
Trả tiền				
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Trả tiền mua dịch vụ	493.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Trả lãi trái	57.046.068	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Trả tiền vay	5.000.000.000	-
Cho vay				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	9.000.000.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Cho vay dài hạn	10.184.100.864	-
Đi vay				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Phát hành trái phiếu	100.000.000.000	-
Góp vốn				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Góp vốn	29.500.000.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Góp vốn	22.950.000.000	-
Nhận vốn góp				
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Nhận vốn góp	42.967.600.000	-
Tạm ứng				
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS		1.423.300.000	189.040.349
Hoàn tạm ứng				
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS		369.040.349	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c) *Số dư với Bên liên quan*

<u>Khoản mục/Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2021</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2021</u> <u>VND</u>
Phải thu về cho vay		19.184.100.864	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	10.184.100.864	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	9.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		1.164.130.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	614.130.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	550.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác		3.596.332.516	2.312.849.711
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	2.075.491.180	2.075.491.180
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	49.223.154	-
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS	1.423.300.000	189.040.349
Trần Thị Miên	Kế toán trưởng	48.318.182	48.318.182
Đầu tư vào công ty con		153.844.183.172	101.394.183.172
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	130.894.183.172	101.394.183.172
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	22.950.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	28.171.559
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	-	28.171.559
Chi phí phải trả ngắn hạn		1.419.484.069	-
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	1.419.484.069	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		100.000.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	100.000.000.000	-

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp thuận toàn phần.

Người lập



Trần Thị Miên

Kế toán trưởng



Trần Thị Miên

Hà Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê